

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2025/QH15

DỰ THẢO

LUẬT  
TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp.*

Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; tổ chức thi hành Nghị quyết ban bố, Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tình trạng khẩn cấp.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tình trạng khẩn cấp* là trạng thái đặc biệt của xã hội được thiết lập tại một hay nhiều địa phương hoặc trên phạm vi cả nước khi an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe của con người bị đe dọa hoặc bị xâm hại nghiêm trọng mà các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 3 không đáp ứng được, cần thiết phải áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm kịp thời ngăn chặn, khắc phục hậu quả và nhanh chóng ổn định tình hình.

2. *Tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội* là tình trạng khẩn cấp được ban bố khi có nguy cơ xảy ra bạo loạn chính trị, hoặc khi có các hoạt động chống phá chế độ, chống phá nhà nước diễn ra công khai trên địa bàn một hay nhiều địa phương, hoặc khi trật tự công cộng bị vi phạm trên địa bàn một hay nhiều địa phương ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì luật pháp và bảo đảm an toàn cho cuộc sống người dân.

3. *Tình trạng khẩn cấp về thảm họa lớn* là tình trạng khẩn cấp được ban bố khi đã xảy ra thảm họa lớn (thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố bức xạ và hạt nhân) hoặc nguy cơ xảy ra thảm họa trên địa bàn một hay nhiều địa phương mà các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 3 không đáp ứng được, cần thiết phải áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm kịp thời ngăn chặn, khắc phục hậu quả và nhanh chóng ổn định tình hình.

4. *Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu* là hàng hóa, dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, an ninh, bao gồm: Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ chính phục vụ sản xuất, lưu thông; sản phẩm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người, quốc phòng, an ninh và phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong tình trạng khẩn cấp.

### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động trong tình trạng khẩn cấp**

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

3. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, có sự phân công, phân cấp, phân quyền, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và lực lượng trong tình trạng khẩn cấp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành chịu trách nhiệm chính trong chỉ đạo, điều hành.

4. Huy động sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò và sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, sự tham gia tích cực của Nhân dân.

5. Bảo đảm tính kịp thời trong việc áp dụng, điều chỉnh, chấm dứt các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp.

6. Việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân phải thật sự cần thiết dựa trên căn cứ rõ ràng, vì mục đích chính đáng và không phân biệt đối xử.

7. Việc quyết định các biện pháp nhằm ứng phó, khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp mà gây ra thiệt hại thì không bị truy cứu trách nhiệm, nếu các quyết định đó hoàn toàn không có động cơ vụ lợi cá nhân.

### **Điều 4. Áp dụng Luật Tình trạng khẩn cấp và các luật khác có liên quan**

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có quy định về tình trạng khẩn cấp mà Luật này không quy định thì được thực hiện theo quy định của Luật đó nhưng không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về tình trạng khẩn cấp thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó nhưng không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.

4. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Luật này thì áp dụng điều ước quốc tế.

### **Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong tình trạng khẩn cấp**

1. Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, yêu cầu, đề nghị của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong việc thi hành Nghị quyết ban bố hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp.

2. Cản trở, chống đối người thi hành công vụ trong tình trạng khẩn cấp.

3. Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để trục lợi, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây lãng phí, thất thoát, phá hoại tài sản của Nhà nước.

4. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong thi hành Nghị quyết ban bố hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

5. Không kịp thời hoàn trả tài sản của tổ chức, cá nhân bị trưng dụng, hoặc không bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra theo quy định cho các tổ chức, cá nhân bị trưng dụng tài sản.

6. Không kịp thời thực hiện các biện pháp xử lý sự cố khẩn cấp hoặc xử lý không đúng quy định gây hậu quả.

### **Điều 6. Duy trì hoạt động tổ tụng trong tình trạng khẩn cấp**

1. Trường hợp áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật này và trong tình trạng khẩn cấp, căn cứ tình hình cụ thể, Chánh án Tòa án các cấp quyết định:

- a) Tạm hoãn hoạt động xét xử trong thời hạn công bố tình trạng khẩn cấp;
- b) Di chuyển tạm thời địa điểm xét xử đến nơi có đủ điều kiện xét xử;
- c) Thực hiện hoạt động xét xử theo hình thức phù hợp.

2. Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp được rút ngắn hoặc kéo dài quy trình, thời hạn thực hiện các hoạt động tố tụng trong tình trạng khẩn cấp so với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng phải phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.

**Điều 7. Thời hạn, thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, giải quyết vụ việc dân sự và thi hành án hành chính, dân sự trong tình trạng khẩn cấp**

1. Khoảng thời gian áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật này không tính vào thời hiệu xử lý, giải quyết vi phạm hành chính, khởi kiện, giải quyết vụ việc dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án hành chính, dân sự, khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự.

2. Thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này tiếp tục sau khi kết thúc thời hạn áp dụng các biện pháp nêu trên.

**Điều 8. Hợp tác quốc tế về tình trạng khẩn cấp**

1. Trường hợp xảy ra thảm họa, dịch bệnh phức tạp, nguồn lực trong nước không đủ để ứng phó, khắc phục và đã ban bố tình trạng khẩn cấp về thảm họa, dịch bệnh, Thủ tướng Chính phủ kêu gọi các quốc gia, các tổ chức quốc tế, cá nhân hỗ trợ nguồn lực để phòng ngừa, ứng phó và phối hợp triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Hợp tác quốc tế về tình trạng khẩn cấp phải bảo đảm nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ pháp luật của Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan.

**Chương II**

**BAN BỐ, CÔNG BỐ, BÃI BỎ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP**

**Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố tình trạng khẩn cấp**

1. Căn cứ diễn biến thảm họa, dịch bệnh, tình hình quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và trên cơ sở đề nghị của các bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban bố tình trạng khẩn cấp, trong trường hợp Ủy ban Thường vụ không thể họp ngay thì đề nghị Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

3. Căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban bố tình trạng khẩn cấp, Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

4. Trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

5. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải được công bố ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi ban bố tình trạng khẩn cấp để người dân biết, thực hiện.

6. Việc ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp tại Việt Nam được thông báo ngay cho các quốc gia thành viên Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị khác thông qua trung gian là Tổng Thư ký Liên hợp quốc.

**Điều 10. Nội dung của Nghị quyết ban bố hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp**

1. Lý do ban bố tình trạng khẩn cấp.
2. Địa bàn được đặt trong tình trạng khẩn cấp.
3. Thời điểm áp dụng tình trạng khẩn cấp.
4. Thời hạn áp dụng các biện pháp quy định tại Chương III Luật này.
5. Thẩm quyền tổ chức thi hành Nghị quyết ban bố hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp.

**Điều 11. Thẩm quyền, trình tự thủ tục gia hạn, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp**

1. Căn cứ diễn biến thảm họa, dịch bệnh, tình hình quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và trên cơ sở đề nghị của các bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong trường hợp Ủy ban Thường vụ không thể họp ngay thì đề nghị Chủ tịch nước gia hạn thời gian áp dụng tình trạng khẩn cấp nhưng không quá 07 ngày cho 01 lần gia hạn, đến khi tình trạng khẩn cấp đủ điều kiện bãi bỏ.

2. Khi thảm họa đã được ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục; dịch bệnh được chặn đứng hoặc dập tắt; tình hình quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đã ổn định, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ra Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp.

3. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước bãi bỏ tình trạng khẩn cấp phải được công bố ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi ban bố tình trạng khẩn cấp để người dân biết, thực hiện.

## **Điều 12. Chấm dứt hiệu lực của văn bản pháp luật về tổ chức thi hành Nghị quyết ban bố, Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp**

1. Các văn bản pháp luật về tổ chức thi hành Nghị quyết ban bố, Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ thời điểm Nghị quyết, Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có hiệu lực, trừ trường hợp Nghị quyết, Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có quy định khác.

2. Những việc cần làm ngay sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân các cấp tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp và các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để giúp đỡ Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, phục hồi sản xuất;

b) Người bị tạm giữ trước khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ nhưng chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 của Luật này thì cơ quan đang tạm giữ người đó phải xem xét, chuyển giao ngay;

c) Người đang bị tạm giữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 của Luật này được trả tự do ngay;

d) Người bị bắt, giam, giữ trái pháp luật hoặc bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền gây ra được khôi phục danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

đ) Cơ quan đã trưng dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trả ngay tài sản đó cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp tài sản bị mất hoặc hư hỏng, thì cơ quan đã trưng dụng có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương III**

### **CÁC BIỆN PHÁP ĐƯỢC ÁP DỤNG TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP**

#### **Điều 13. Các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn về thiên tai, ô nhiễm môi trường, sự cố bức xạ và hạt nhân**

1. Trong địa bàn đã ban bố tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

a) Các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1, 2, 3 và biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp quy định tại Luật Phòng thủ dân sự;

b) Cường chế di dời người dân trong các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn;

c) Các biện pháp phân lũ, làm chậm lũ;

d) Các biện pháp ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;

đ) Yêu cầu các doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất sang hàng hóa cần thiết cho ứng phó thảm họa;

e) Miễn các loại phí giao thông đối với phương tiện làm nhiệm vụ, vận chuyển thuốc, dược phẩm, hàng hóa đến địa bàn xảy ra thảm họa;

g) Tổ chức lực lượng để bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp;

h) Bình ổn giá đối với lương thực, thực phẩm, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh và một số hàng hoá thiết yếu khác;

i) Tạm đình chỉ chức vụ người đứng đầu các cơ quan nhà nước liên quan đến việc thực hiện không đúng chức trách trong thời gian thi hành Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp; chỉ định người thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Ngoài những biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ có thể áp dụng các biện pháp mà pháp luật hiện hành chưa quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất.

#### **Điều 14. Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh**

1. Trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp khi dịch bệnh lây lan nhanh trên diện rộng, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người và kinh tế - xã hội của đất nước, có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

a) Các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1, 2, 3 và biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp quy định tại Luật Phòng thủ dân sự;

b) Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh quy định tại Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Thú y;

c) Bình ổn giá đối với lương thực, thực phẩm, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh và một số hàng hoá thiết yếu khác; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, gây khan hiếm giả, sản xuất hàng giả, hàng nhái, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch bệnh;

d) Trưng dụng các cơ sở y tế, cơ sở lưu trú và các cơ sở khác của tổ chức, cá nhân; sử dụng các cơ sở do cơ quan nhà nước quản lý để triển khai các bệnh viện dã chiến;

đ) Tăng cường các biện pháp bảo vệ các cơ quan, tổ chức, khu vực phong tỏa, khu vực cách ly;

e) Biện pháp thích hợp quy định tại các điểm b, d, đ, e và h khoản 1 Điều 13 của Luật này.

2. Ngoài những biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ có thể áp dụng các biện pháp mà pháp luật hiện hành chưa quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất.

**Điều 15. Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội**

1. Trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, có thể áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

- a) Các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1, 2, 3 quy định tại Luật Phòng thủ dân sự;
- b) Các biện pháp cần thiết khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia quy định tại Luật An ninh quốc gia;
- c) Các biện pháp áp dụng trong tình trạng giới nghiêm quy định tại Luật Quốc phòng;
- d) Các biện pháp phòng cháy, chữa cháy quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- đ) Các biện pháp xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng quy định tại Luật An ninh mạng.

2. Ngoài những biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng các biện pháp sau đây:

- a) Tăng cường bảo vệ các cơ quan trọng yếu, cơ mật và cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương, khách mời của Đảng và Nhà nước; đài phát thanh, đài truyền hình, bưu điện, đơn vị thông tin; cơ quan thông tấn, cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam; khu quân sự, công trình quốc phòng, an ninh, kho bạc, sân bay, bến cảng và các công trình quan trọng khác của Nhà nước; biên giới quốc gia và các cửa khẩu biên giới; trại giam, trại tạm giam và những cơ quan, địa điểm quan trọng khác;
- b) Kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng; kiểm duyệt các xuất bản phẩm; đình chỉ việc xuất bản và thu hồi các ấn phẩm, xuất bản phẩm có nội dung gây nguy hại cho an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội;
- c) Chỉ định sân bay hạ cánh cho tàu bay, hải cảng cập bến cho tàu thủy, nhà ga cho tàu hỏa, điểm đỗ cho ô tô và các phương tiện giao thông khác; kiểm soát các chuyến bay quá cảnh qua địa bàn có tình trạng khẩn cấp;



d) Tổ chức các Đội công tác tuyên truyền đặc biệt để vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tình trạng khẩn cấp;

đ) Tổ chức các Đội tuần tra đặc biệt thuộc các lực lượng Công an, Quân đội và Dân quân tự vệ. Trong khi làm nhiệm vụ, Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt có quyền khám người, phương tiện, nơi ở, đồ vật, tạm giữ người, phương tiện, tang vật gây nguy hại cho an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, người vi phạm các quy định về cấm đi lại và người có hành vi cản trở hoặc chống lại người thực hiện nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp;

e) Đặt các trạm canh gác và kiểm tra giấy tờ, vật phẩm, hành lý của người qua lại trạm canh gác và kiểm soát;

g) Sử dụng vũ lực, vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, giữ người và phương tiện giao thông cố tình vượt trái phép trạm canh gác và kiểm soát hoặc chống lại việc canh gác, kiểm soát;

h) Tịch thu hoặc phong tỏa tài sản của các cá nhân, tổ chức liên quan có thể gây nguy hại cho an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội;

i) Hạn chế hoặc cấm các giao dịch kinh tế, thương mại với một số quốc gia hoặc tổ chức có liên quan đến tình trạng khẩn cấp.

3. Ngoài những biện pháp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ có thể áp dụng các biện pháp mà pháp luật hiện hành chưa quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất.

### **Điều 16. Các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng**

Trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

1. Các biện pháp thích hợp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Luật này.

2. Các biện pháp áp dụng trong tình trạng thiết quân luật, giới nghiêm quy định tại Luật Quốc phòng.

3. Quản lý đặc biệt đối với việc sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc và dịch vụ viễn thông.

4. Thiết lập thủ tục đặc biệt công nhận các phóng viên, báo chí trong địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp và quy trình cho hoạt động tác nghiệp của phóng viên.

5. Cấm xuất khẩu đối với các mặt hàng có liên quan đến quốc phòng.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3, khoản 4 Điều này.

### **Điều 17. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp**

1. Cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm và hỗ trợ tâm lý người dân; thực hiện công tác chính sách, bảo đảm đời sống cho Nhân dân.

2. Đánh giá, thống kê thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và triển khai phương án khắc phục hậu quả.

3. Bố trí nơi ăn ở tạm thời phục vụ việc di dời khẩn cấp các hộ dân đang sinh sống ở địa bàn áp dụng tình trạng khẩn cấp, đảm bảo an toàn, ổn định cuộc sống cho người dân.

4. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giúp người dân, doanh nghiệp, tổ chức khắc phục thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp, phục hồi sản xuất, kinh doanh.

5. Bảo đảm an toàn và hoạt động của các hệ thống giao thông công cộng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, cung cấp điện, y tế, phát thanh truyền hình.

6. Các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường.

### **Điều 18. Thống kê, đánh giá thiệt hại**

1. Nguyên tắc thống kê, đánh giá thiệt hại

a) Thực hiện theo quy định của pháp luật thống kê và pháp luật chuyên ngành;

b) Thực hiện kịp thời, liên tục, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động ứng phó, khắc phục thảm họa;

c) Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh đúng thực tế về mức độ thiệt hại do thảm họa gây ra;

d) Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục thảm họa.

2. Nội dung thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại

a) Điều tra, thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến thống kê thiệt hại do thảm họa gây ra;

b) Kiểm tra, tổng hợp số liệu và lập các biểu thống kê thiệt hại ở các cấp theo quy định;

c) Phân tích, đánh giá nguyên nhân, ước tính thiệt hại, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, khắc phục hậu quả thảm họa;

d) Lập báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn phương pháp, trình tự thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại theo lĩnh vực quản lý.

### **Điều 19. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ**

1. Nguyên tắc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

a) Tuân theo quy định của pháp luật, căn cứ vào mức độ thiệt hại, chia sẻ thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương nơi có đối tượng được cứu trợ, hỗ trợ để bảo đảm công bằng, công khai, tránh trùng lặp;

b) Việc cứu trợ, hỗ trợ cần tập trung đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng do thảm họa, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ:

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động nguồn lực theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về dự trữ quốc gia;

b) Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vận động quyên góp và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn; phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp nhận và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn;

c) Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn.

### **Điều 20. Cứu trợ, hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng trong tình trạng khẩn cấp**

1. Cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp

a) Cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp được ưu tiên thực hiện đối với lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và hàng hóa thiết yếu để ổn định đời sống của Nhân dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở địa bàn bị tác động của tình trạng khẩn cấp;

b) Đối tượng được cứu trợ, hỗ trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và hàng hóa thiết yếu có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng, sức khỏe, ưu tiên quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

c) Nguồn lực cho cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp từ hàng dự trữ quốc gia; kinh phí dự phòng hàng năm của ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế, quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác, nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Hỗ trợ trung hạn

a) Hỗ trợ trung hạn được thực hiện tiếp theo cứu trợ khẩn cấp, tập trung vào hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất; cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện các biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường; sửa chữa, khôi phục trụ sở, công trình phòng, chống thảm họa; giao thông, thông tin, thủy lợi; cấp nước sinh hoạt, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng thiết yếu khác bị thiệt hại;

b) Đối tượng được hỗ trợ trung hạn bao gồm tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có công trình quy định tại điểm a khoản này;

c) Nguồn lực cho cứu trợ từ hàng dự trữ quốc gia, ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế.

## 3. Hỗ trợ dài hạn

a) Hỗ trợ dài hạn được thực hiện tiếp theo hỗ trợ trung hạn, tập trung vào việc sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng ngừa, ứng phó thảm họa; tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng ngừa thảm họa;

b) Đối tượng được hỗ trợ dài hạn bao gồm tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp hoạt động công ích bị thiệt hại;

c) Nguồn lực cho hỗ trợ dài hạn bao gồm ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, hỗ trợ từ quốc tế;

d) Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ tình hình thiệt hại ở địa phương, xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện.

## 4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2, khoản 3 Điều này.

### **Điều 21. Ban hành văn bản trong tình trạng khẩn cấp**

Trong thời gian ban bố tình trạng khẩn cấp, để kịp thời ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn và quy định thời gian hoàn thành.

### **Điều 22. Các chính sách, biện pháp hỗ trợ**

#### 1. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

a) Giảm trừ, gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân; giãn thuế, giảm thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu;

b) Chính sách về phí, lệ phí: Giảm phí, lệ phí đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi áp dụng tình trạng khẩn cấp;

c) Chính sách tài chính: Ưu đãi, giảm lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước, tín dụng chính sách của Nhà nước; tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; giảm giá bán điện, giảm tiền điện cho các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp;

d) Cắt giảm thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu, bảo đảm thông quan kịp thời; rút ngắn thời gian xét hoàn thuế, xét duyệt hồ sơ vay vốn; cắt giảm các quy định, điều kiện, thủ tục gây khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh; đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính đối với việc cấp giấy phép hoạt động, giấy phép đầu tư, thủ tục thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, thủ tục mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ, cho phép hoãn, gia hạn thời gian thực hiện thủ tục phá sản;

đ) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới trong nước; có cơ chế khuyến khích sản xuất linh kiện, sản phẩm trung gian trong nước thay thế nhập khẩu.

## 2. Chính sách hỗ trợ, cứu trợ người dân

Ngoài các các chế độ, chính sách hỗ trợ, cứu trợ quy định tại khoản 1 Điều này, người dân được hưởng thêm các chính sách sau:

a) Chính sách về nhân lực, lao động: Hỗ trợ đào tạo lao động; hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn lao động, chuyên gia nước ngoài thay thế trong trường hợp thiếu hụt lao động; hỗ trợ người lao động bị thất nghiệp, mất việc làm;

b) Chính sách về xuất cảnh, nhập cảnh: Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài, tạo điều kiện tiếp tục công việc khi họ chưa thể xuất cảnh;

c) Chính sách an sinh xã hội: Chăm lo đời sống Nhân dân, ưu tiên người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, người mất việc làm do ban bố tình trạng khẩn cấp.

## 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Điều 23. Nguồn lực ứng phó với tình trạng khẩn cấp**

1. Nguồn tài chính phục vụ ứng phó tình trạng khẩn cấp bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- c) Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác;
- d) Nguồn lực từ hỗ trợ quốc tế;
- đ) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho ứng phó, khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho khu vực biên giới, hải đảo, khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

3. Sử dụng các quỹ tài chính nhà nước trong tình trạng khẩn cấp: Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính Nhà nước khác.

4. Nhà nước có kế hoạch dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó trong tình trạng khẩn cấp. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó trong tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

#### **Điều 24. Chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong tình trạng khẩn cấp**

1. Người được điều động, huy động làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được hưởng trợ cấp; khi bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí, trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ hoạt động trong tình trạng khẩn cấp có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT, LỆNH CÔNG BỐ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP**

##### **Điều 25. Tổ chức thi hành văn bản về tình trạng khẩn cấp**

1. Chính phủ tổ chức và chỉ đạo việc thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng các biện pháp quy định tại Chương III của Luật này và quyết định các cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm thi hành các biện pháp đó.

3. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự bộ, ngành trung ương và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự địa phương các cấp chỉ đạo hoạt động khi có thảm họa, thiên tai, dịch bệnh.

4. Ban Chỉ huy Bảo vệ an ninh quốc gia tổ chức chỉ huy, điều hành hoạt động trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

5. Ban Chỉ huy Tình trạng khẩn cấp về quốc phòng tổ chức chỉ huy, điều hành hoạt động trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

### **Điều 26. Trách nhiệm thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp**

1. Cơ quan, tổ chức, người thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp phải chấp hành nghiêm các quy định của Luật này, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp và tuyệt đối phục tùng chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

2. Người thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp phải đeo phù hiệu thống nhất, bảo đảm dễ nhận biết. Mẫu phù hiệu do Thủ tướng Chính phủ quy định.

### **Điều 27. Điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp**

1. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an điều động lực lượng thuộc quyền đến địa bàn ban bố tình trạng khẩn cấp về thảm họa lớn, dịch bệnh để hỗ trợ các lực lượng tại chỗ cứu hộ, khắc phục hậu quả của thảm họa, dịch bệnh hoặc để ổn định, duy trì an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

### **Điều 28. Trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong tình trạng khẩn cấp**

1. Lực lượng Công an, Quân đội, Dân quân tự vệ, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và những người thuộc các Đội tuần tra đặc biệt được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi đe dọa tính mạng, sức khỏe của người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp hoặc người khác; người có

hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước, tổ chức hoặc của cá nhân; ngăn chặn, bắt giữ người phạm tội;

b) Ngăn chặn, bắt giữ người đang gây rối trật tự công cộng hoặc vi phạm quy định về tình trạng khẩn cấp;

c) Giải tán các điểm tụ tập đông người, biểu tình;

d) Ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi gây bạo loạn, phá hoại, phá trại giam, đánh tháo phạm nhân, cướp vũ khí, tấn công mục tiêu hoặc đối tượng được bảo vệ;

đ) Ngăn chặn, bắt giữ người dùng vũ lực, cản trở người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp;

e) Những trường hợp khác mà pháp luật quy định được phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3. Việc trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong tình trạng khẩn cấp tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

### **Điều 29. Biện pháp xử lý người bị tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp**

1. Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt xử lý người bị tạm giữ như sau:

a) Trường hợp người bị tạm giữ có dấu hiệu tội phạm, chậm nhất sau bốn mươi tám giờ phải chuyển giao người bị tạm giữ cùng toàn bộ hồ sơ, tang vật cho cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp người vi phạm hành chính mà không có giấy tờ tùy thân hợp lệ thì bị tạm giữ cho đến khi xác minh được nhân thân của người đó, nhưng không quá sáu giờ kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

2. Trong thời gian chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc được trả tự do theo quy định tại Điều này, người bị tạm giữ được tạm giữ tại cơ sở tạm giữ theo quy định pháp luật.

3. Đội trưởng Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như đối với Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng thuộc lực lượng Công an nhân dân đang làm nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Trạm trưởng, Đội trưởng thuộc Bộ đội Biên phòng đang làm nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt có thẩm quyền tạm giữ người theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự nếu xét thấy người bị tạm giữ có dấu hiệu phạm tội.



### **Điều 30. Chỉ huy lực lượng trong tình trạng khẩn cấp**

1. Việc chỉ huy các lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên ngành ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp chỉ huy lực lượng thuộc quyền thực hiện hoạt động trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Người chỉ huy đơn vị Quân đội, Công an điều động và chỉ huy lực lượng thuộc quyền chủ trì hoặc phối hợp thực hiện hoạt động trong tình trạng khẩn cấp.

### **Điều 31. Lực lượng thi hành trong tình trạng khẩn cấp**

1. Lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

2. Dân quân tự vệ, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án.

4. Đội công tác tuyên truyền đặc biệt, Đội tuần tra đặc biệt thuộc các lực lượng Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ.

5. Chính phủ quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ các Đội công tác tuyên truyền đặc biệt, Đội tuần tra đặc biệt thuộc các lực lượng Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ.

### **Điều 32. Áp dụng pháp luật về điều kiện bất khả kháng**

1. Việc áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật này dẫn đến việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng được xem xét, đánh giá để áp dụng quy định pháp luật về điều kiện bất khả kháng.

2. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này do cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở nghĩa vụ không thể thực hiện được là hệ quả trực tiếp của việc tuân thủ các biện pháp được áp dụng tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật này.

## **Chương V**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

#### **Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

1. Chỉ đạo Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội thực hiện giám sát việc thi hành Luật này.

2. Quyết định ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, công dân được Quốc hội giao.

3. Quyết định các biện pháp đề ứng phó trong tình trạng khẩn cấp khi các biện pháp quy định tại Luật này và các luật khác có liên quan không thể ứng phó hiệu quả.

### **Điều 34. Trách nhiệm của Chính phủ**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp trong phạm vi cả nước; chịu trách nhiệm trước Quốc hội về kết quả quản lý, điều hành của bộ máy hành chính nhà nước trong tình trạng khẩn cấp; các chủ trương, chính sách do mình ban hành trong tình trạng khẩn cấp.

2. Tổ chức thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp.

3. Ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng trong tình trạng khẩn cấp để khắc phục hậu quả thảm họa, nhanh chóng ổn định xã hội, khôi phục sản xuất kinh doanh, đưa xã hội về trạng thái bình thường.

4. Báo cáo kết quả chỉ đạo điều hành của Chính phủ trong tình trạng khẩn cấp với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

### **Điều 35. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ**

1. Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp tại một hay nhiều địa phương trên cả nước; đề nghị Chủ tịch nước công bố tình trạng khẩn cấp trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được.

2. Quyết định áp dụng biện pháp ứng phó trong tình trạng khẩn cấp, bảo đảm thích ứng an toàn, linh hoạt và hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước; tổ chức các lực lượng để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực xảy ra thảm họa.

3. Chỉ đạo các bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ bảo đảm các điều kiện để duy trì hoạt động trong tình trạng khẩn cấp.

### **Điều 36. Trách nhiệm của bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ Quốc phòng chủ trì giúp Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

2. Bộ Công an chủ trì giúp Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

3. Bộ Y tế chủ trì giúp Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì giúp Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp về thảm họa lớn do thiên tai, môi trường.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì giúp Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp về sự cố bức xạ, hạt nhân.

6. Bộ Ngoại giao thông báo về việc ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp tại Việt Nam cho các quốc gia thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.

7. Các bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công:

a) Chủ trì giúp Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước tình trạng khẩn cấp về thảm họa;

b) Áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật này;

c) Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn rút gọn các quy trình, thủ tục hành chính cho phù hợp trạng thái xã hội trong tình trạng khẩn cấp;

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ được phân công;

đ) Bảo đảm các điều kiện hoạt động của các cơ quan, tổ chức, lực lượng thuộc quyền trong tình trạng khẩn cấp.

8. Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản 7 Điều này.

### **Điều 37. Trách nhiệm của chính quyền địa phương**

1. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật trong tình trạng khẩn cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chế độ chi ngân sách đối với nhiệm vụ chi trong tình trạng khẩn cấp tại địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Ban hành văn bản hành chính hướng dẫn tạm thời thực hiện các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp thuộc phạm vi quản lý;

b) Trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp dự toán ngân sách bảo đảm cho hoạt động quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp;

c) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp ở địa phương, kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích;

d) Yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp vật tư, nhu yếu phẩm, trang thiết bị phục vụ các hoạt động trong tình trạng khẩn cấp;

đ) Đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phương tiện theo quy trình nhanh nhất để phục vụ công tác ứng phó, khắc phục;

e) Chỉ đạo tổ chức truyền thông, tuyên truyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định trong tình trạng khẩn cấp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

g) Tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

h) Bảo đảm các điều kiện hoạt động của các cơ quan, tổ chức lực lượng thuộc quyền trong tình trạng khẩn cấp.

i) Quyết định áp dụng các biện pháp mà pháp luật hiện hành chưa quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Thủ tướng Chính phủ trong thời gian sớm nhất.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Bảo đảm các điều kiện hoạt động của các cơ quan, tổ chức, lực lượng thuộc quyền trong tình trạng khẩn cấp;

b) Chỉ đạo tổ chức truyền thông, tuyên truyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định trong tình trạng khẩn cấp; tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp;

c) Đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phương tiện theo quy trình nhanh nhất để phục vụ công tác ứng phó, khắc phục;

### **Điều 38. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm các quy định về tình trạng khẩn cấp, phối hợp và giúp đỡ các cơ quan, tổ chức, người thi hành thực hiện các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp.

### **Điều 39. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức**

Các cơ quan, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm sau đây:

1. Tuyên truyền, vận động người lao động, thành viên trong cơ quan, tổ chức mình, người dân chấp hành quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.
2. Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn trước thảm họa.
3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa; đối với tổ chức, đơn vị kinh doanh hoặc quản lý phương tiện giao thông công cộng, địa điểm công cộng và những nơi tập trung đông người phải xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp cụ thể; lắp đặt các thiết bị báo động, thiết bị cứu hộ khẩn cấp cần thiết cho phương tiện giao thông và các địa điểm liên quan, ghi rõ cách sử dụng, đảm bảo thông thoáng lối thoát ra an toàn.
4. Chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động trong tình trạng khẩn cấp.
5. Báo cáo, thông tin chính xác thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp; chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý.
6. Chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố, thảm họa trong quá trình sản xuất, kinh doanh.
7. Trong tình trạng khẩn cấp, khi có yêu cầu của chính quyền địa phương, các doanh nghiệp phải chuyển đổi mục đích sản xuất phù hợp để cung cấp vật tư, nhu yếu phẩm, trang thiết bị bảo đảm chất lượng.

### **Điều 40. Trách nhiệm của cá nhân**

1. Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình; trong điều kiện có thể, tham gia hỗ trợ cộng đồng, giúp đỡ người bị thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp tại địa phương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc.
2. Thực hiện các biện pháp ứng phó với thảm họa theo kế hoạch của địa phương.
3. Chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra khỏi khu vực nguy hiểm; chấp hành quyết định huy động trang thiết bị, tài sản để phục vụ hoạt động ứng phó trong tình trạng khẩn cấp của người có thẩm quyền.
4. Thông báo, cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về diễn biến, thiệt hại do thảm họa gây ra khi có điều kiện thực hiện.

**Chương VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 41. Bãi bỏ các văn bản liên quan**

Bãi bỏ Pháp lệnh về Tình trạng khẩn cấp năm 2000.

**Điều 42. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV,  
Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**